

## ĐO TỐC ĐỘ ĐỌC - NÓI Ở TRẺ MẪU GIÁO (tại Thành phố Hồ Chí Minh)<sup>1</sup>

TRẦN THỊ HỒNG VÂN\*

### TÓM TẮT

*Để góp phần can thiệp trị liệu âm ngữ cho trẻ mầm non có rối loạn âm lời nói đạt hiệu quả, một trong những việc cần làm là đo tốc độ đọc - nói của trẻ. Tác giả kế thừa kỹ thuật đo tốc độ đọc - nói từ các nghiên cứu trên thế giới để tiến hành thực hiện đối với trẻ mẫu giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị của việc đánh giá tốc độ đọc - nói cho phép chúng ta đánh giá ảnh hưởng của nó đến khả năng phát âm, mức độ dễ hiểu, chất giọng và độ lưu loát của lời nói.*

**Từ khóa:** rối loạn lời nói, lỗi phát âm, tốc độ đọc- nói, âm ngữ trị liệu, mẫu giáo.

### ABSTRACT

#### *Determining speech rate of preschool children (in Ho Chi Minh City)*

*This article explores Techniques to determine speech-rate in preschool children. Through a survey of the speech rate of preschool children speaking Vietnamese in Ho Chi Minh city, it is concluded that the rates of speech are indices that can be measured. To achieve the effectiveness of therapeutic interventions for children who have speech sound disorders, we should consider the impact of the "rate of speech" on the level of understandability of children's speech.*

**Keywords:** speech sound disorders, articulation errors, rate of speech, speech language therapy, kindergarten.

### 1. Vấn đề đo tốc độ đọc - nói ở trẻ

Hiện nay, tại các nước phát triển, việc xác lập quy trình ngữ âm ở trẻ mầm non, đồng thời xây dựng phác đồ can thiệp trị liệu không còn mới mẻ, nhưng ở Việt Nam, đó là điều còn bỏ ngỏ [1]. Đề tài can thiệp chỉnh âm cho trẻ mầm non khó khăn về âm lời nói là vấn đề mang tính thời sự, mà ở Việt Nam rất cần một nghiên cứu toàn diện, bài bản hơn về vấn đề này.

Song song với việc chỉnh âm, cần phát triển ngôn ngữ và mức độ dễ hiểu của lời nói ở trẻ [3] [6] [9]. Tốc độ nói,

tốc độ đọc, tốc độ kể ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thu nhận tin [9, tr.176-178]. Tốc độ đọc - nói ở mỗi người khác nhau, có người nói nhanh nhưng rất dễ nghe và cũng có người nói chậm nhưng lại rất khó nghe, hoặc ngược lại. Tầm quan trọng của việc đo tốc độ đọc - nói không phải là để so sánh nó với tiêu chuẩn định mức; mà nhằm cho biết tốc độ nói là bình thường hay nhanh hơn bình thường, hay chậm hơn bình thường. Kết quả của việc đánh giá tốc độ đọc - nói giúp cho việc xem xét ảnh hưởng của nó đến khả năng giao tiếp ở trẻ [9,

\* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

pp.176-178]. Việc so sánh tốc độ đọc ở những trẻ bị rối loạn âm lời nói với những trẻ bình thường giúp người can thiệp tìm kiếm biện pháp, bài tập cải thiện tốc độ đọc - nói ở trẻ, nhằm đảm bảo mức độ dễ hiểu của lời nói.

Hiện nay, ở Việt Nam, chưa có nghiên cứu nào chỉ ra tốc độ đọc trung bình ở trẻ mầm non nói tiếng Việt. Trong khi đó, ở các nước tiên tiến, kỹ thuật đo tốc độ đọc, nói của trẻ là hoạt động thường xuyên trong việc hỗ trợ trẻ có rối loạn âm lời nói. Năm 2009, các tác giả Kenneth G. Shipley, Julie G. McAfee trong quyển *Assessment in Speech-Language Pathology: A Resource Manual (4th ed.)*, Delmar Cengage Learning (USA), bên cạnh việc mô tả rất rõ cách sàng lọc, đánh giá các bệnh lý liên quan đến lời nói, cũng như quy trình can thiệp, trị liệu đã đồng thời chỉ dẫn rõ kỹ thuật đo tốc độ đọc - nói ở trẻ em và ở người lớn. Có thể tóm lược kỹ thuật đo như sau:

- Chuẩn bị máy ghi âm ghi lại “mẫu” lời nói của trẻ khi trẻ kể những câu chuyện, đọc thơ, đồng dao...

- Phối hợp với người trực tiếp nuôi dạy trẻ để lấy những “mẫu” lời nói của trẻ trong giao tiếp hằng ngày.

- Tùy vào độ dài của “mẫu” – 60 giây, 120 giây, hoặc ngắn hơn, hoặc dài hơn mà cách thức tính tốc độ đọc, nói cũng khác nhau. [9, tr.176-178]

- Tốc độ đọc trung bình (số từ được

nói trong một phút) được viết tắt là WPM (words per minute) [9, tr.176-178]

❖ **Để tính WPM, nếu “mẫu” dài 60 giây, đếm số từ trẻ nói, ta được số WPM. Ví dụ, 200 từ được nói trong vòng 60 giây là 200 WPM**

❖ **Nếu “mẫu” dài hoặc ngắn hơn 60 giây**

$$WPM = \text{số từ} \times (\text{số giây trong 1 phút} \div \text{số giây “mẫu”})$$

Ví dụ: thời gian: 20 giây, số từ trẻ nói: 62 từ,  $WPM = 62 \times (60 \div 20) = 186$ .

❖ **Độ tin cậy lớn hơn trong tính toán WPM có thể bằng cách thu thập nhiều “mẫu”**

$$WMP = \text{Số từ} \times (\text{số giây trong 3 phút} \div \text{tổng số giây của 3 “mẫu”})$$

(nếu 4 “mẫu” thì  $WMP = \text{Số từ} \times (\text{số giây trong 4 phút} \div \text{tổng số giây của 4 “mẫu”})$ ).

Ví dụ: Có 3 “mẫu” thời gian là 20, 25, và 30 giây, tổng cộng 75 giây. Số từ trong các mẫu tương ứng là 15, 20, và 25, tổng cộng 60 từ.  $WMP = 60 \times (180 \div 75) = 144$ .

## 2. Kết quả đo tốc độ đọc của trẻ mẫu giáo

Chúng tôi tiến hành đo tốc độ lời nói của 15 bé bình thường (10 bé trai, 5 bé gái) không bị rối loạn âm lời nói và 3 bé được chẩn đoán có rối loạn âm lời nói (2 bé trai, 1 bé gái) được chẩn đoán có rối loạn âm lời nói. Kết quả thu được như sau:

**Bảng 1. Tốc độ kể chuyện ở trẻ bình thường và trẻ có rối loạn âm lời nói**  
 Lứa tuổi: 3;6 - Giới tính: Nam

Trẻ bình thường			Trẻ có rối loạn âm lời nói		
Tên	Từ/ giây	WPM	Tên	Từ/ giây	WPM
TD	139/164	<b>50.85</b>	DH	106//263	<b>24</b>
QM	131/124	<b>63.39</b>			
MT	181/224	<b>48.48</b>			
HH	153/152	<b>60.39</b>			
CT	188/177	<b>63.73</b>			
<b>WPM trung bình</b>		<b>57</b>	<b>24</b>		
Test: truyện Cô bé quàng khăn đỏ (trẻ xem tranh và kể lại chuyện)					
Cách tính: $WPM = \text{số từ} \times (60 \div \text{số giây})$ (**)					

**Bảng 2. Tốc độ kể chuyện ở trẻ bình thường và trẻ có rối loạn âm lời nói**  
 Lứa tuổi: 3;9 - Giới tính: Nữ

Trẻ bình thường			Trẻ có rối loạn âm lời nói		
Tên	Từ/ giây	WPM	Tên	Từ/ giây	WPM
TA	146/131	<b>66.8</b>	L P	135/121	<b>70</b>
NM	150 /116	<b>77.6</b>			
NH	158 /138	<b>68.7</b>			
GH	178 /119	<b>89.7</b>			
BH	151 /133	<b>68.1</b>			
<b>WPM trung bình</b>		<b>74</b>	<b>70</b>		
Test: truyện Cô bé quàng khăn đỏ (trẻ xem tranh và kể lại chuyện)					
Cách tính: $WPM = \text{số từ} \times (60 \div \text{số giây})$ (**)					

**Bảng 3. Tốc độ kể chuyện ở trẻ bình thường và trẻ có rối loạn âm lời nói**  
 Lứa tuổi: 4;8 (\*) - Giới tính: Nam

Trẻ bình thường			Trẻ có rối loạn âm lời nói		
Tên	Từ/ giây	WPM	Tên	Từ/ giây	WPM
TA	180/130	<b>83.07</b>	KM	119/124	<b>58</b>
BB	172/135	<b>76.44</b>			
HC	177/122	<b>87.05</b>			
LD	204/143	<b>85.6</b>			
AE	93/86	<b>64.88</b>			
<b>WPM trung bình</b>		<b>79</b>	<b>58</b>		
Test: truyện Cô bé quàng khăn đỏ (trẻ xem tranh và kể lại chuyện)					
Cách tính: $WPM = \text{số từ} \times (60 \div \text{số giây})$ (**)					

**Bảng 4.** Tốc độ kể chuyện ở trẻ bình thường và trẻ có rối loạn âm lời nói  
 Lứa tuổi: 3;6 (\*) - Giới tính: Nam

Trẻ bình thường			Trẻ có rối loạn âm lời nói		
Tên	Thời gian (giây)	WPM	Tên	Thời gian (giây)	WPM
CT	28.5	<b>84.21</b>	DH	25.8	<b>93.02</b>
TD	29.9	<b>80.27</b>			
MT	24.3	<b>98.77</b>			
QM	27.5	<b>87.27</b>			
KH	28.7	<b>83.62</b>			
<b>WPM trung bình</b>		<b>87</b>	<b>93</b>		
Test đồng dao “Nu na nu nóng” (64 chữ, 2 đoạn)					
Cách tính: $WPM = Số\ từ \times (120 \div tổng\ số\ giây)$ (**)					

**Bảng 5.** Tốc độ kể chuyện ở trẻ bình thường và trẻ có rối loạn âm lời nói  
 Lứa tuổi: 3;9 (\*) - Giới tính: Nữ

Trẻ bình thường			Trẻ có rối loạn âm lời nói		
Tên	Thời gian (giây)	WPM	Tên	Thời gian (giây)	WPM
BH	27+19=46	<b>166.96</b>	LP	28+15=43	<b>178.6</b>
GH	23+19=42	<b>182.86</b>			
NH	22+24=46	<b>166.96</b>			
NM	20+19=39	<b>196.92</b>			
TA	35+27=62	<b>123.87</b>			
<b>WPM Trung bình</b>		<b>168</b>	<b>179</b>		
Test đồng dao “Nu na nu nóng” (64 chữ, 2 đoạn)					
Cách tính: $WPM = Số\ từ \times (120 \div tổng\ số\ giây)$ (**)					

**Bảng 6.** Tốc độ kể chuyện ở trẻ bình thường và trẻ có rối loạn âm lời nói  
 Lứa tuổi: 4;8 (\*) - Giới tính: Nam

Trẻ bình thường			Trẻ có rối loạn âm lời nói		
Tên	Thời gian (giây)	WPM	Tên	Thời gian (giây)	WPM
HC	31+22=53	<b>153.96</b>	KM	24.4+24=48.4	<b>168.6</b>
BB	27+21=48	<b>170</b>			
LD	21+19=40	<b>204</b>			
TA	27+17=44	<b>185.5</b>			
AE	35+21=56	<b>145.7</b>			
<b>WPM trung bình</b>		<b>172</b>	<b>169</b>		
Test đồng dao “Nu na nu nóng” (64 chữ, 2 đoạn)					
Cách tính: $WPM = Số\ từ \times (120 \div tổng\ số\ giây)$ (**)					

**Ghi chú:** Tất cả trẻ được khảo sát đều là trẻ mầm non bình thường ở Thành phố Hồ Chí Minh, nói tiếng Việt, có ba mẹ nói tiếng Việt. Tất cả các trẻ đều không có dị tật ảnh hưởng đến lời nói và ngôn ngữ (khiếm khuyết ở bộ máy phát âm, tự kỉ, khiếm thính, sứt môi – hở vòm...).

(\*): **3;6:** 3 tuổi 6 tháng, **3;9:** 3 tuổi 9 tháng, **4;8:** 4 tuổi 8 tháng.

(\*\*): Các số liệu đã được làm tròn.

### 3. Một số nhận xét ban đầu

Nhìn chung, tốc độ kể chuyện trung bình của trẻ bình thường (nhóm thứ nhất) với trẻ bị rối loạn âm lời nói (nhóm thứ hai) ở cả ba nhóm lứa tuổi: 3;6, 3;9, 4;8 có sự chênh lệch nhau rất rõ. Ở nhóm trẻ không có rối loạn âm lời nói, tốc độ kể nhanh hơn nhóm trẻ có rối loạn âm lời nói. Ở nhóm bé trai, sự chênh lệch tương đối lớn. Ở nhóm bé gái sự chênh lệch không nhiều.

Ngược lại, tốc độ đọc thơ của nhóm trẻ có rối loạn âm lời nói ở hai lứa tuổi 3;6 tuổi và 3,9 tuổi (cả trai và gái) lại

nhanh hơn ở nhóm trẻ không có rối loạn âm lời nói. Nhóm trẻ còn lại (trai, 4;8) tuổi) sự chênh lệch không đáng kể. Trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy ở nhóm thứ nhất, khi đọc đồng dao, trẻ thường đọc diễn cảm, thường xuyên lên xuống giọng, có lẽ vì vậy mà tốc độ đọc của nhóm trẻ này chậm hơn nhóm trẻ có rối loạn âm lời nói.

Phạm vi khảo sát, cỡ mẫu như trên chưa đủ lớn nên chúng tôi khó có thể đưa ra những nhận định có tính khái quát.

### 4. Kết luận

Nghiên cứu này mới chỉ là bản mô tả tóm tắt cách “đo âm” và tính tốc độ đọc của trẻ mầm non. Số liệu trên chỉ có thể cung cấp những cứ liệu và bộ công cụ cần yếu, làm nền tảng cho một nghiên cứu sâu rộng hơn. Tốc độ đọc - nói ở trẻ là một chỉ số có thể “đo” được. Việc can thiệp trị liệu cho trẻ có rối loạn âm lời nói sẽ hiệu quả và toàn diện hơn nếu chúng ta có xét đến sự ảnh hưởng của tốc độ đọc - nói ở trẻ đến mức độ dễ hiểu của lời nói và hiệu quả giao tiếp.

<sup>1</sup> Nghiên cứu này được thực hiện dưới sự hướng dẫn của PGS TS Nguyễn Thị Ly Kha

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Ly Kha, Phạm Hải Lê (2014), “Lỗi phát âm âm tiết thường gặp ở trẻ 2 - 4 tuổi (tại TP Hồ Chí Minh)”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP HCM*, (57), tr.9-21.
2. Nguyễn Thị Ly Kha (2010), “Sự cần thiết của nội dung trị liệu ngôn ngữ cho trẻ mầm non trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên mầm non”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, (6), tr.60-63.
3. Nguyễn Thị Ly Kha, Phạm Hải Lê (2014), “Xây dựng bảng từ vựng giá âm lời nói của trẻ em nói tiếng Việt”, *Nhận biết, chẩn đoán và can thiệp các rối loạn chuyên biệt học tập ở học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM, tr.270-279.

4. Hà Thị Kim Yến (2010), “Hoạt động can thiệp tâm lí và âm ngữ đối với trẻ có khó khăn giao tiếp”, Tài liệu *Hội thảo Tâm lí học lâm sàng Việt - Pháp*, Bệnh viện Nhi Đồng 1 - Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, TPHCM ngày 25-26/10/2010
5. Austin. Hodson B. W., *Hodson assessment of phonological patterns (3rd ed.)*, TX: Pro-Ed, (2004), Austin.
6. Bishop, Dorothy V.M, Leonard, Laurence B (2014), *Speech and Language Impairments in Children*, Psychology Press, New York.
7. Dodd B., Hua Z., Crosbie S., Holm A., Ozanne A. (2002), *Diagnostic evaluation of articulation and phonology (DEAP)*, TX: Harcourt, San Antonio.
8. Fluharty N.B. (2009), *Fluharty 2: Fluharty preschool speech and language screening test*, TX: Pro-Ed.
9. Kenneth G. Shipley, Julie G. McAfee (2009), *Assessment in Speech-Language Pathology: A Resource Manual (4nd ed.)*, Delmar Cengage Learning, USA.
10. Stevens, N., and Isles, D. (2007), *Phonological screening assessment. U.K.: Speechmark*, Bicester, Oxon.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-10-2014; ngày phản biện đánh giá: 15-12-2014;

ngày chấp nhận đăng: 22-12-2014)